

Bản án số: 54/2023/DS - ST

Ngày: 26-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Nguyễn Trường Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐ - ST ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Minh C, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Cái C, xã P, huyện V, tỉnh K;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bằng L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh B; có mặt

Bị đơn:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; địa chỉ địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh K; có mặt

Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh K; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh T; vắng mặt

Bà Nguyễn Thị N; vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh K;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Minh C trình bày: Ngày 25/6/2020 ông Nguyễn Thanh

T có mượn của ông số tiền là 107.000.000 đồng, ông T có ghi biên nhận nhận tiền và ký ghi rõ họ tên. Đồng thời ông T có hứa 1 năm sau sẽ trả đủ nhưng từ khi mượn tiền đến nay ông T không trả tiền như đã thoả thuận. Ông có đến nhà gặp vợ chồng ông T, bà Út N đòi nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Tùng, bà Út N trả số tiền là 107.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 25/6/2023 đến ngày khởi kiện 25/10/2022 là 28 tháng là 44.940.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 151.940.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Năm 2019 (không nhớ rõ ngày tháng), ông có hỏi nợ của ông Võ Minh C dùm cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị N số tiền 55.000.000 đồng, sau đó đến khoảng nửa năm 2020 ông T, bà N không đóng lãi nữa. Vì không có khả năng đóng lãi nên cuối năm 2020 ông có mời ông Võ Trung N (Trưởng ấp C) đến dự thoả thuận giữa ông và ông Võ Minh C với vợ chồng ông T, bà N. Nội dung thoả thuận có biên nhận giữa hai bên. Thời điểm thoả thuận giữa ông và ông C tính số lãi là 45.000.000 đồng với số vốn là 55.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng. Thời gian trả có ghi trong biên bản thoả thuận không còn tính lãi nữa. Sau đó đến khoảng tháng 3/2021 âm lịch, ông có trả ông C 10.000.000 đồng. Như vậy, hiện tại ông chỉ còn nợ ông C số tiền 90.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Út N trình bày: Đối với số tiền ông C khởi kiện chồng bà ông T vay dùm ông T, bà N nên bà không biết và không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ biên nhận nợ ngày 25/6/2022 ông T thừa nhận hai bên đã chốt lại số nợ và đồng ý ký tên. Về lãi suất do các bên tranh chấp về lãi suất nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự áp dụng lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Võ Minh C đối với bà Nguyễn Thị Út N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông C khởi kiện yêu cầu ông T, bà Út N trả số tiền nợ là 107.000.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông T, bà N đã được tổng đạt hợp lệ 2 lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Út N nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu của ông C đối với bà Út N.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông C yêu cầu ông T trả số tiền vay, căn cứ biên nhận nợ ngày 25/6/2022. Phía ông Tùng có viết và ký tên trong biên nhận khi đó giữa hai bên có tính toán lại số nợ là 107.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T cho rằng trong đó chỉ có 55.000.000 đồng tiền vốn, còn lại đó là tiền lãi. Sau vài ngày thì ông có trả 7.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 3/2021 âm lịch có trả thêm 10.000.000 đồng tiền vốn. Việc ông T trình bày nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, trong khi phía ông C không thừa nhận có việc trả 2 lần là 17.000.000 đồng tiền vốn như ông T trình bày nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền vay là 107.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ông T cho rằng khi viết biên nhận xong là 2 bên thoả thuận không tính lãi, còn ông C thì cho rằng tiền lãi là 1,5%/tháng. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định lãi suất là 10%/năm.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 25/6/2020 (nhằm ngày 14/8/2020 dương lịch) đến 14/9/2023 (do tại phiên toà đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu làm tròn tháng) là 37 tháng x 107.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 31.672.000 đồng.

Tổng vốn và lãi là 138.672.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là: 138.672.000 đồng x 5% = 6.933.600 đồng.

Hoàn trả cho ông Võ Minh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.798.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0002562 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Thanh T.

2- Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Võ Minh C số tiền là 138.672.000 đồng (trong đó tiền gốc là 107.000.000 đồng, tiền lãi là 31.672.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3- Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Võ Minh C đối với bà Nguyễn Thị Út N.

4- Về án phí DSST:

Bị đơn ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là: 138.672.000 đồng x 5% = 6.933.600 đồng.

Hoàn trả cho ông Võ Minh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.798.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0002562 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm